



Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên)
Đỗ Thị Kim Thanh

TIẾNG ANH 2

NATIONAL
GEOGRAPHIC

EXPLORE OUR WORLD

SÁCH BÀI TẬP



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH



NATIONAL
GEOGRAPHIC
LEARNING

Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên)
Đỗ Thị Kim Thanh

TIẾNG ANH 2

 NATIONAL GEOGRAPHIC **EXPLORE OUR
WORLD**

SÁCH BÀI TẬP

Cánh Diều



**NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH**

 NATIONAL
GEOGRAPHIC
LEARNING

Unit	Theme	Vocabulary	Language Use
0 Getting Started	Getting started	classroom objects, toys, family members, rooms in the house, parts of the body, elephant, frog, monkey, parrot, read, clap, touch, raise, look around, say hello, wave goodbye	Greetings Classroom instructions What is it? It's [a book]. Is it [a doll]? Yes, it is. / No, it isn't. Who's this? It's my [brother]. Where's [Grandma]? In the [kitchen]. I have [two hands]. It's [a red crayon]. How many [books]? [Two books].
1 Stories	Fairy tales	crown, friend, frog, king, prince, princess, queen, happy, sad, go away, be, go	I want [a crown].
2 I Like Food.	Food and drink	bananas, bread, chicken, cookies, noodles, rice, milk, orange juice, water	Do you like [noodles]? Yes, I like [noodles]. No, I don't like [noodles].
Units 1-2 Review			
3 Clothes	Clothing	coat, dress, hat, pants, shoes, shirt, shorts, skirt, socks, help	I'm wearing [a coat]. He/She's wearing [shorts].
4 Animals	Animals Actions	crocodile, giraffe, hippo, lion, monkey, zebra, drink, eat, run, walk	Is [the lion] [eating]? No, it isn't. It's [drinking].
Units 1-4 Review			

Content Concepts	The Sounds of English	Story
Colors: blue, red, green, yellow, brown, orange, black, white, pink, purple Numbers: 1–12	Phonics: <i>/s/ stand</i> <i>/ʌ/ up</i> <i>Ss, Uu</i> Chant: <i>Stand up</i>	
Colors: gold, silver Numbers: 13–14	Phonics: <i>/kw/ queen</i> <i>/w/ want</i> <i>/k/ king</i> <i>Qq (Qu), Ww, Kk</i> Chant: <i>The prince wants silver</i>	New Friends
Shapes: circle, square Numbers: 15–16	Phonics: <i>/tʃ/ chicken</i> <i>/ɪ/ water</i> <i>/n/ noodles</i> <i>Ch, Rr, Nn</i> Chant: <i>I like chicken</i>	A Picnic
Shapes: rectangle, triangle Numbers: 17–18	Phonics: <i>/ʃ/ shirt</i> <i>/d/ red</i> <i>/f/ scarf</i> <i>Sh, Dd, Ff</i> Chant: <i>I want a shirt</i>	Wash Day
Shapes: heart, star Numbers: 19–20	Phonics: <i>/m/ monkey</i> <i>/z/ zebra</i> <i>/l/ crocodile</i> <i>Mm, Zz, Ll</i> Chant: <i>Look, I'm a lion</i>	At the Zoo



TIẾNG ANH 2

 **EXPLORE OUR WORLD**

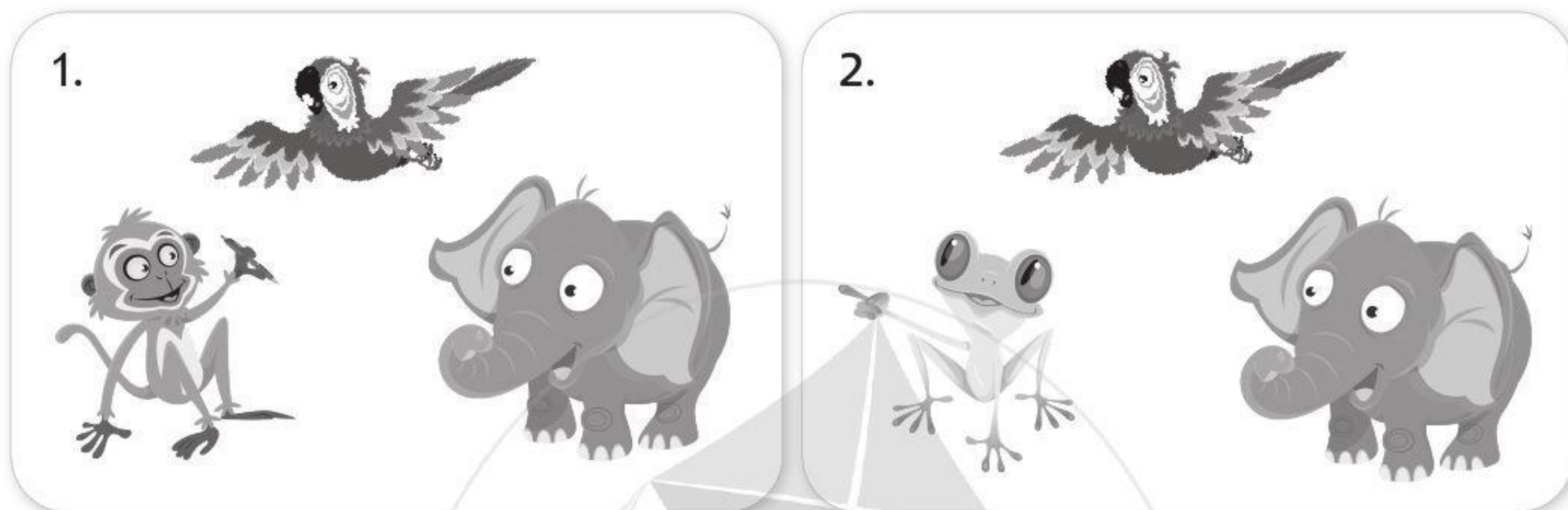
SÁCH BÀI TẬP

Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên)
Đỗ Thị Kim Thanh

Unit 0	Getting Started	2
Unit 1	Stories	8
Unit 2	I Like Food.	14
Units 1–2 Review		20
Unit 3	Clothes	22
Unit 4	Animals.	28
Units 1–4 Review		34
Cutouts		37

Unit 0 Getting Started

1 Listen. Look and circle. TR: B2



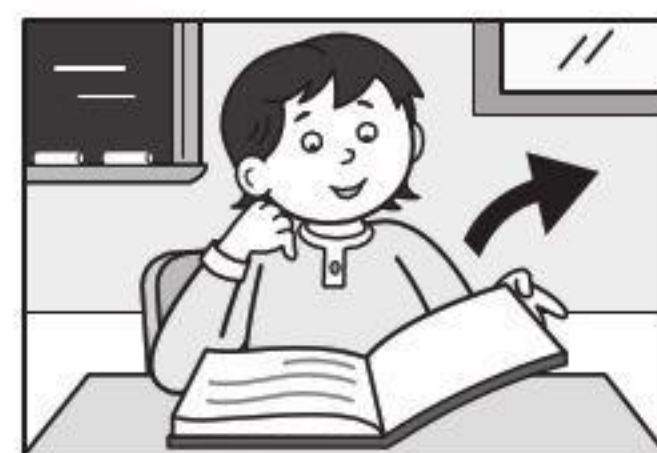
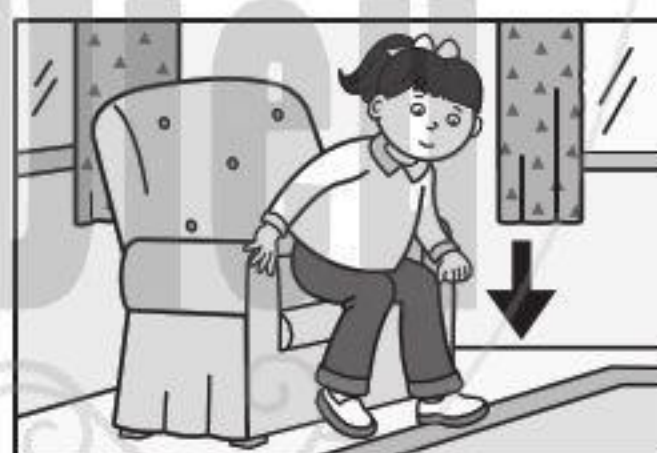
2 Listen and look. Draw lines. TR: B3

1

2

3

4



3 Listen and circle. TR: B4

1.



yes no

2.



yes no

3.



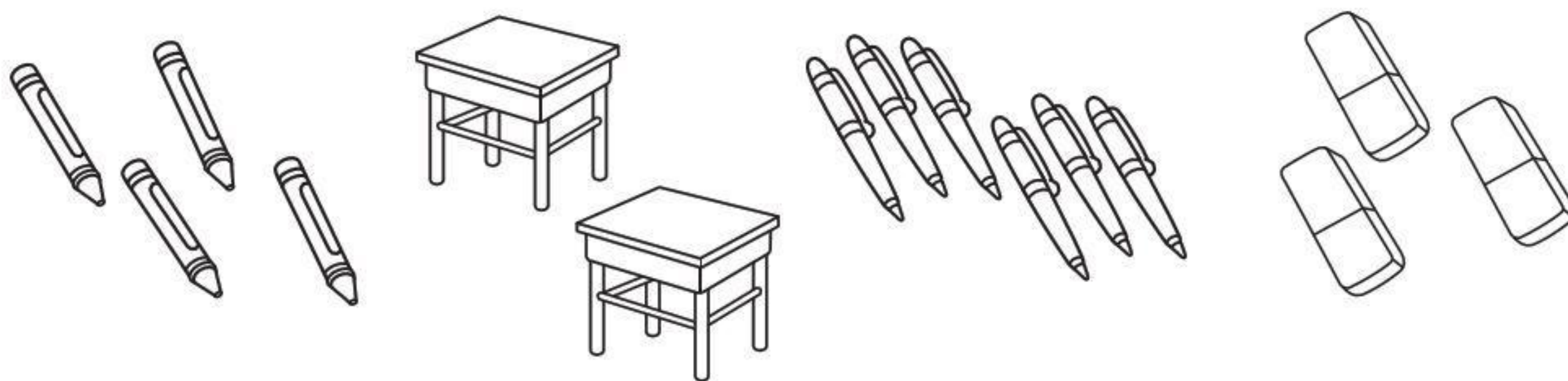
yes no

4.

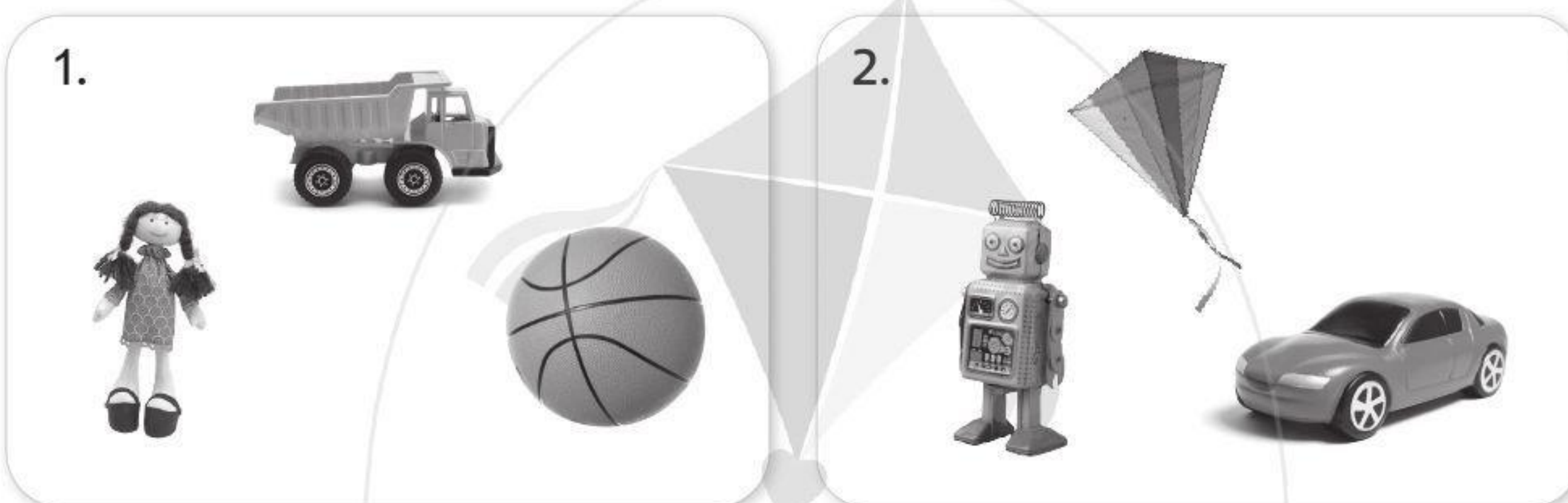


yes no

4 Listen. Count and color. Say. TR: B5



5 Listen. Look and circle. TR: B6

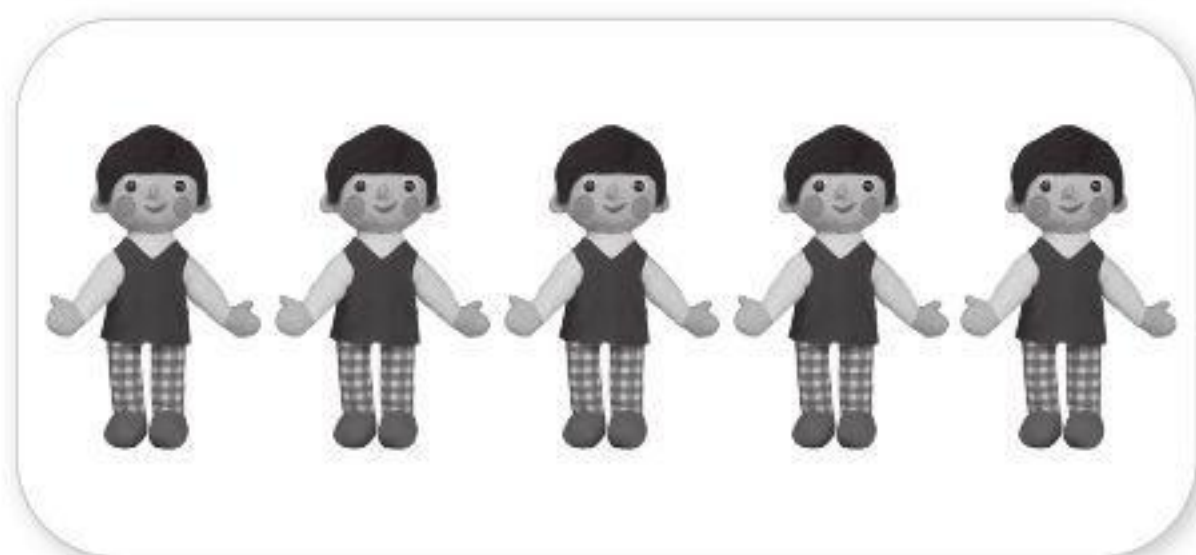


6 Count and write. Say.

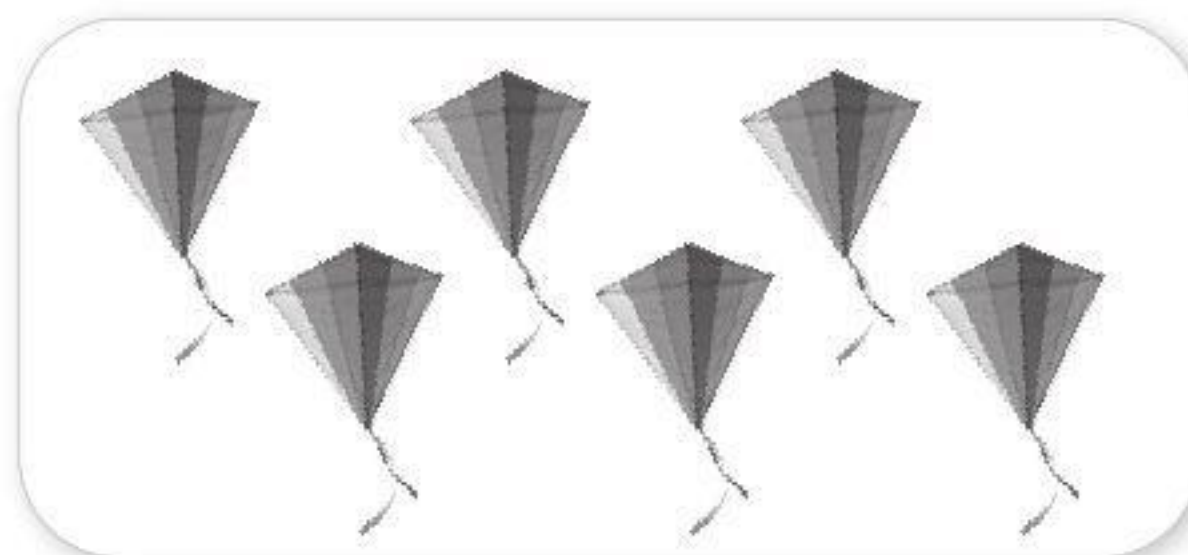


___ r ___

s ___ n

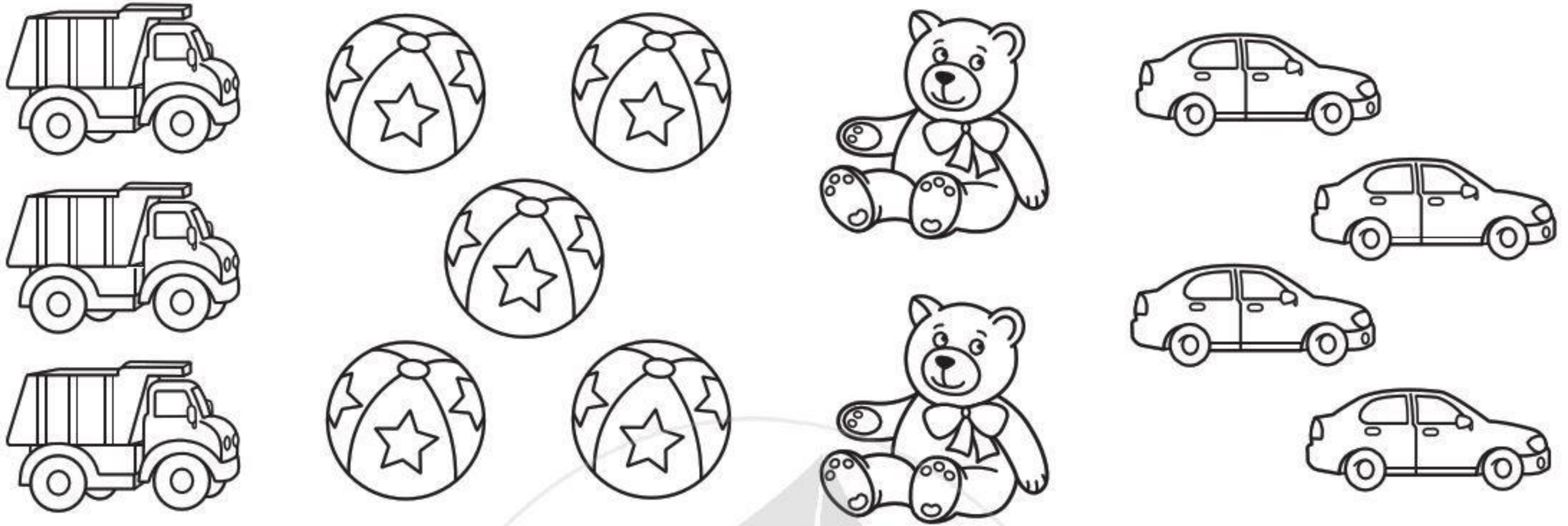


f ___



s ___

7 Listen. Count and color. Say. TR: B7



8 Listen. Look and circle. TR: B8



9 Listen and circle. TR: B9



yes no

yes no

yes no

yes no

10 Listen and look. Draw lines. TR: B10

1.



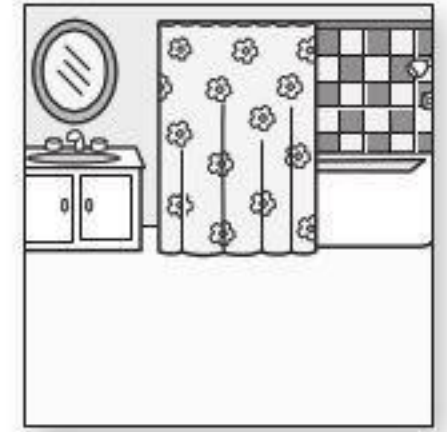
2.



3.

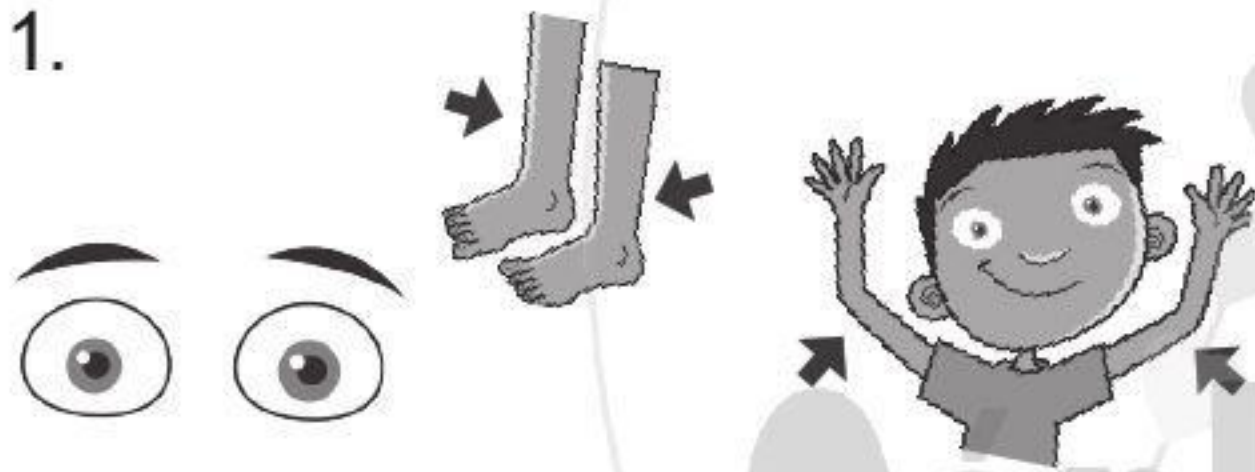


4.

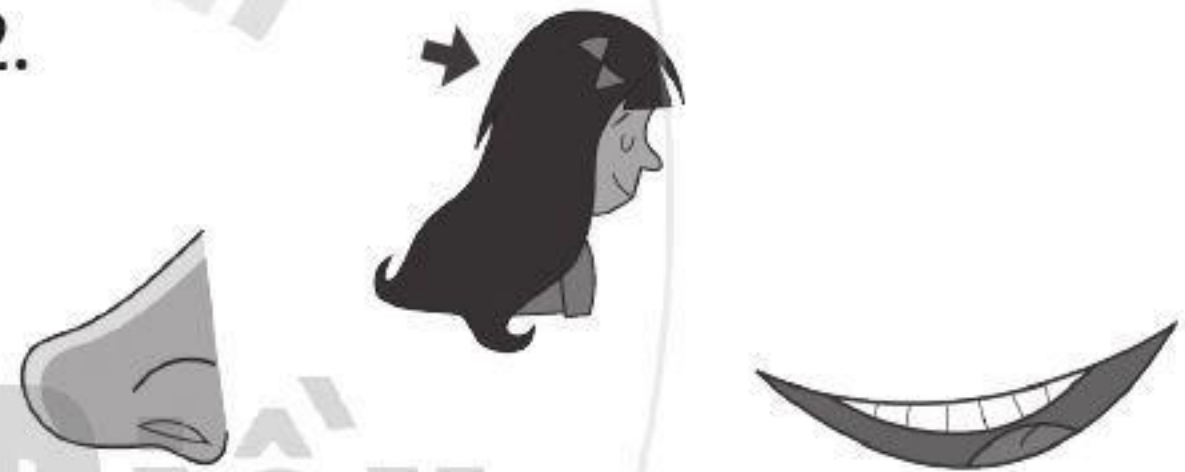


11 Listen. Look and circle. TR: B11

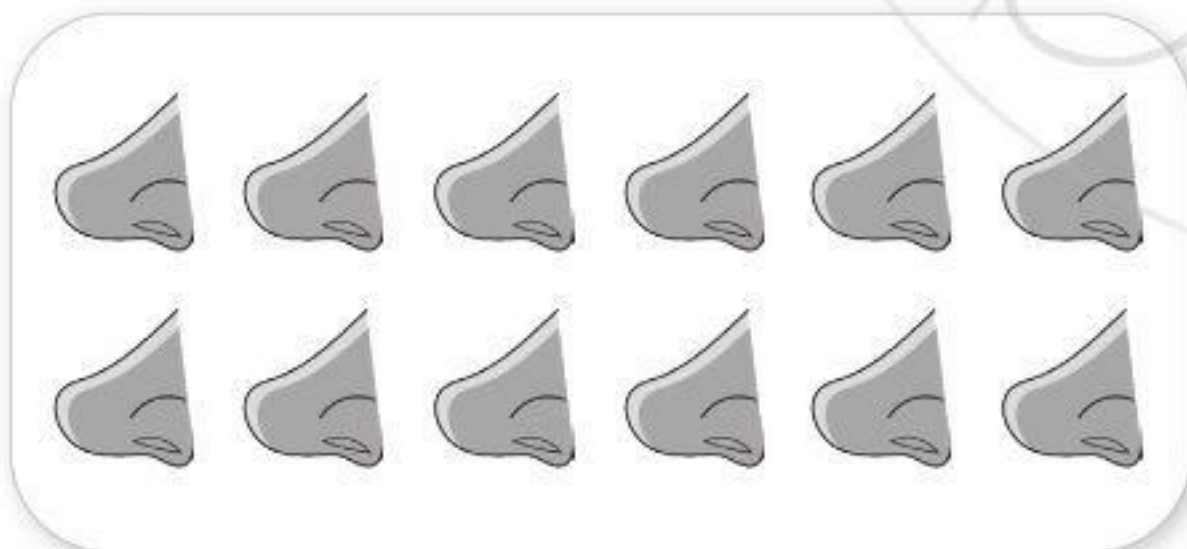
1.



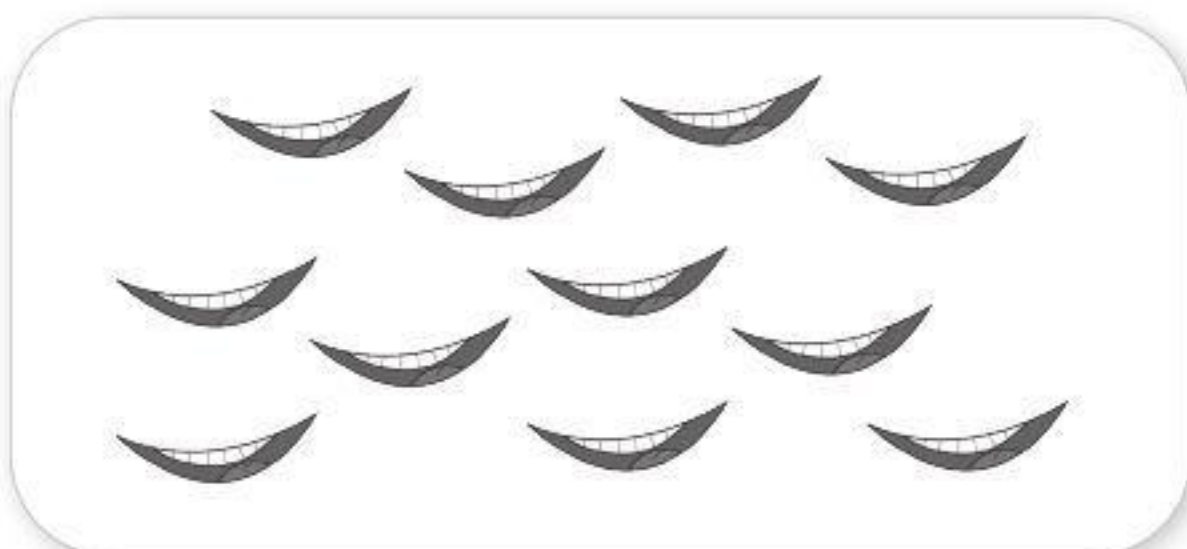
2.



12 Count and write. Say.



___ w ___ l ___

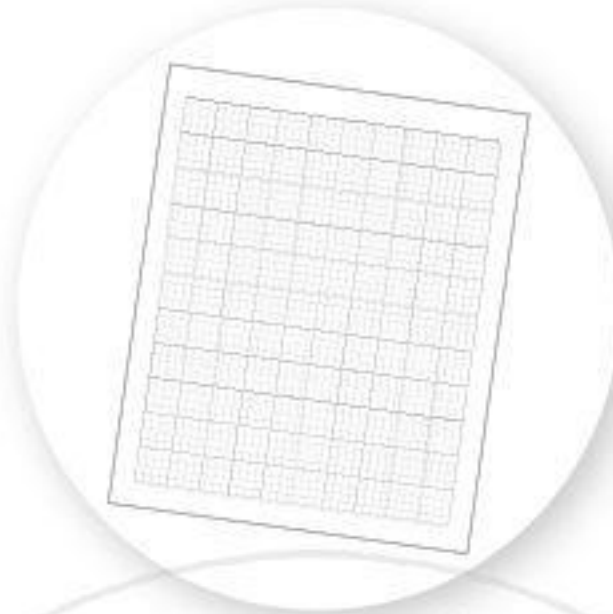


___ l ___ n

13 Listen and say. TR: B12

14 Listen and look. Which word is different? Circle. TR: B13

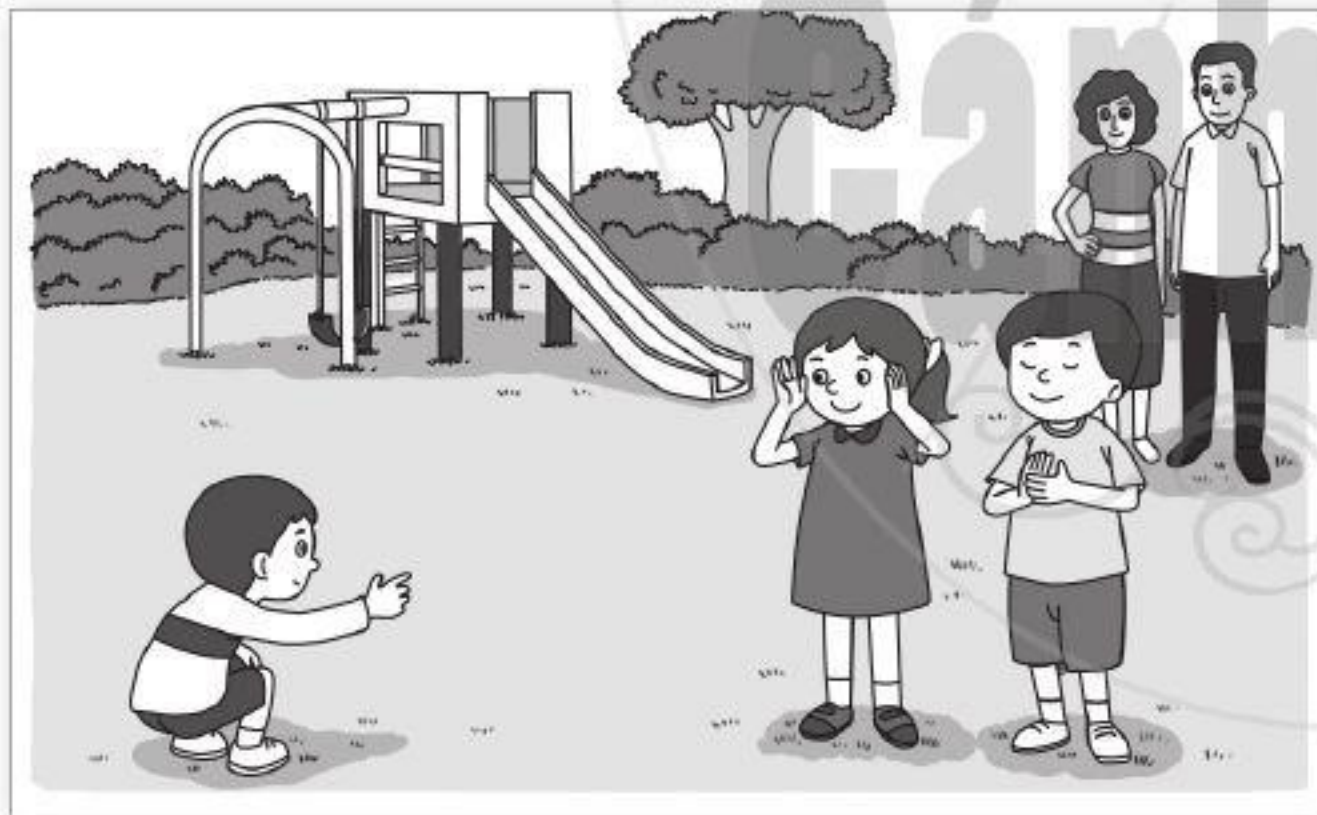
1.



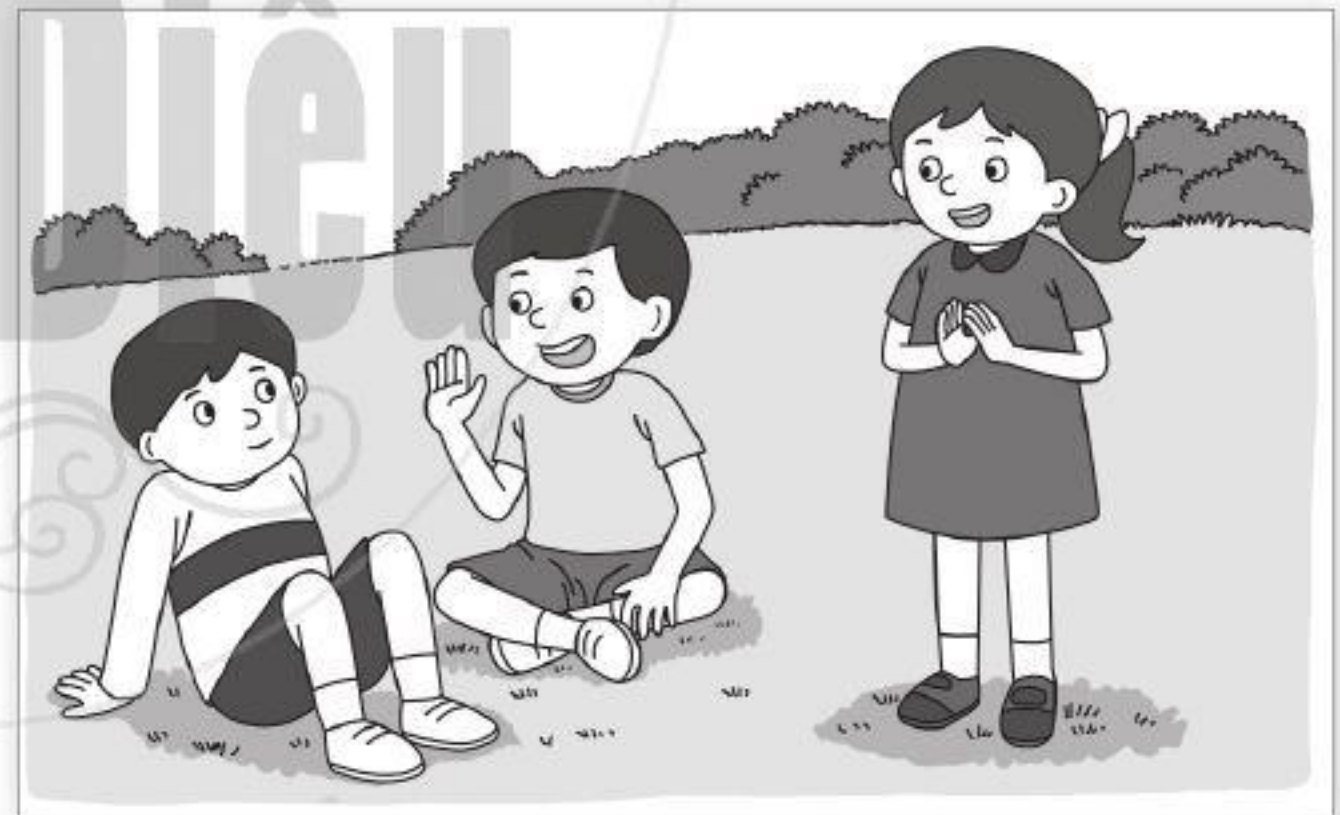
2.



15 Listen and chant. TR: B14



Stand up.
Clap your hands.
Open your eyes
and close your mouth.
Touch your ears
and raise your hands!



Sit down and look around.
Say hello to a friend.
Wave goodbye to a friend.
Stand up.
Clap your hands!

16 Trace and write.

s s s

S S S

u u u

U U U



stand



up



trucks

nd

r k

Unit 1

Stories

1 Listen. Look and circle. TR: B15

1.



2.



3.



4.



5.



6.



2 Listen. Draw. TR: B16

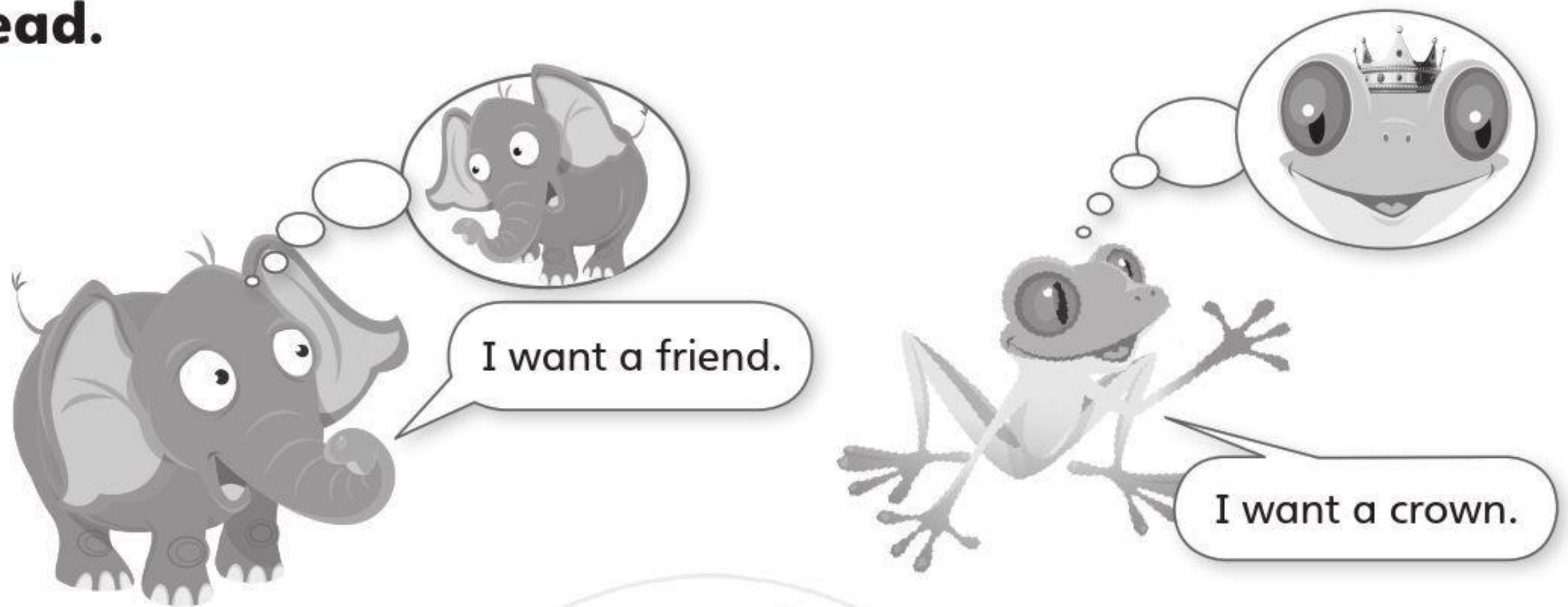
1.



2.



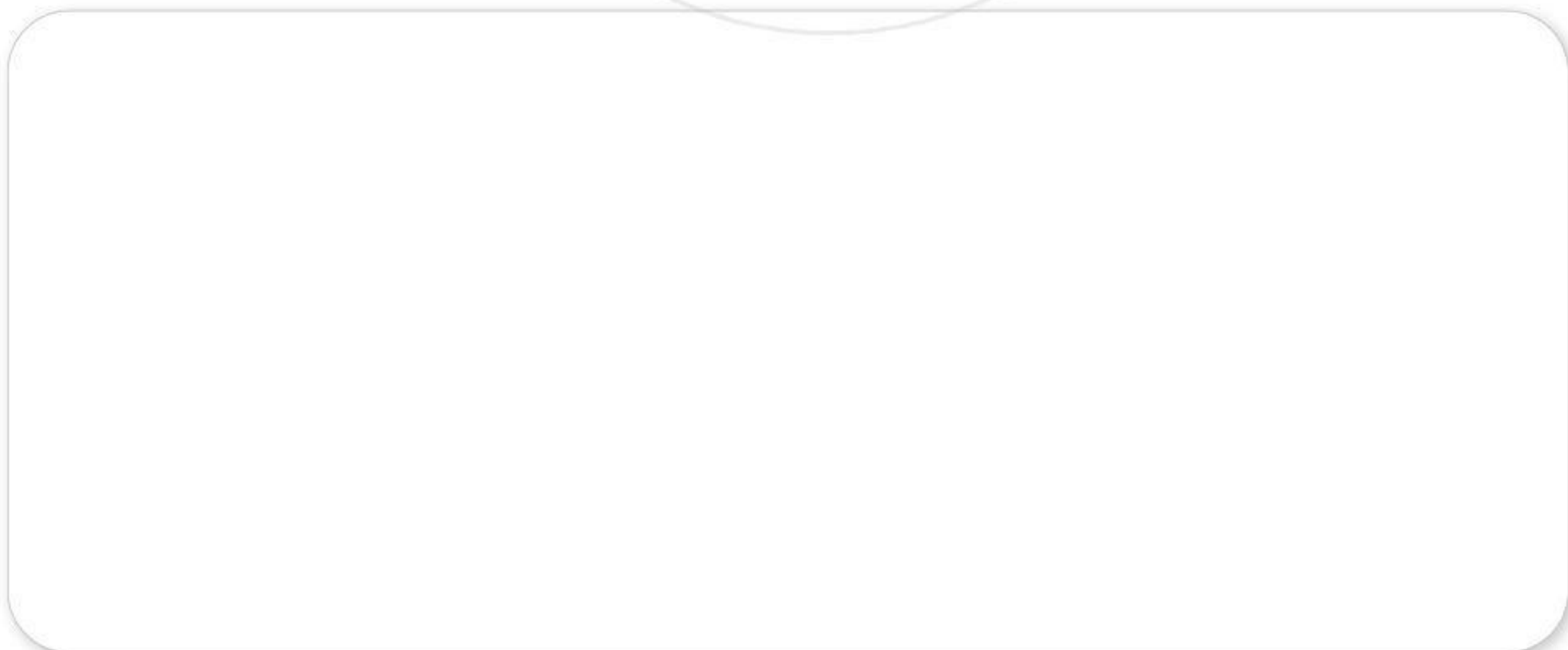
3 Read.



4 Cut out the cards for Unit 1. Listen. Glue the cards. Say. TR: B17



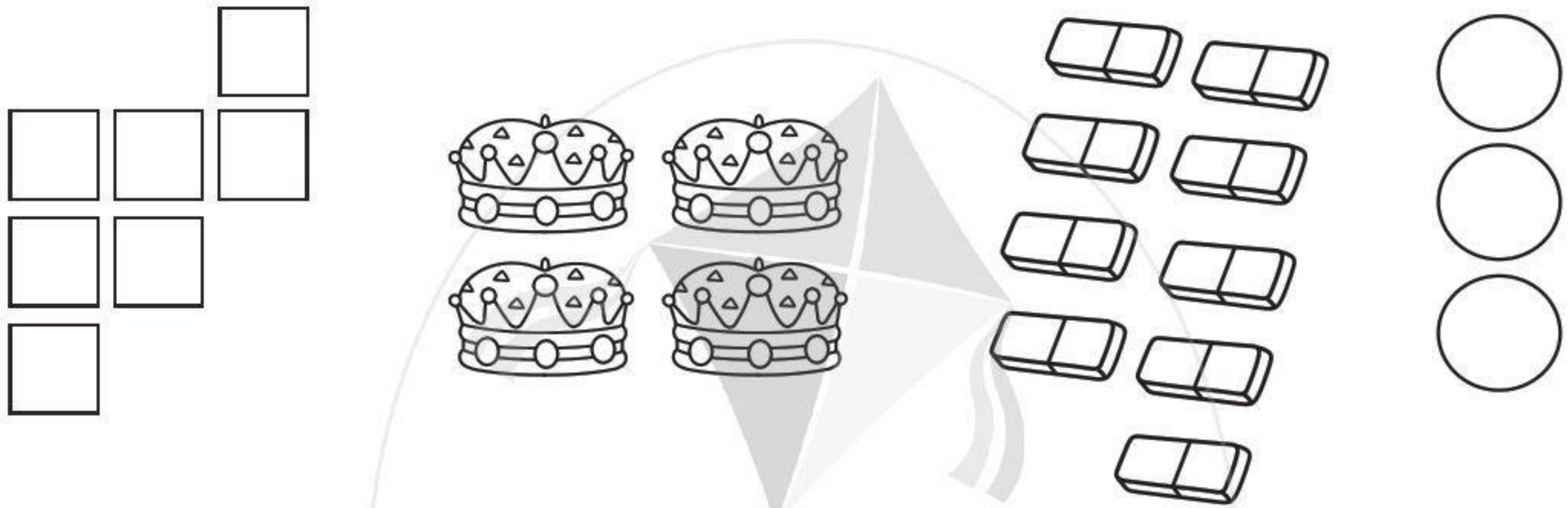
5 Draw. What do you want? Say. Color.



6 Listen. Color and say. TR: B18



7 Listen. Color and say. TR: B19

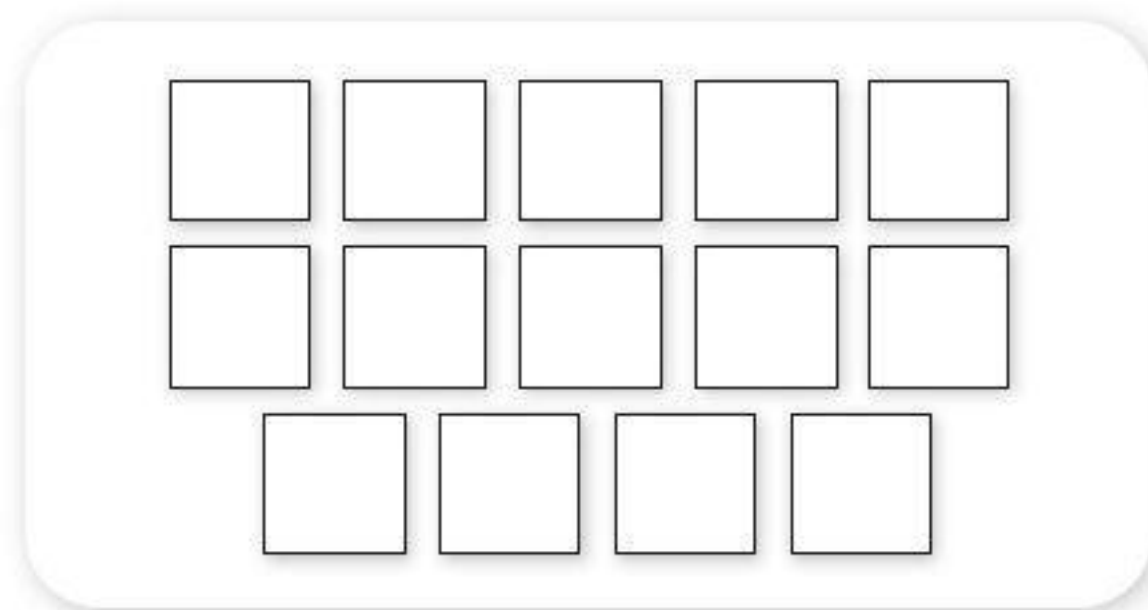


8 Count and write.



s _ _ _ _

_ _ _ _ _



_ _ _ _ r _ _ _ _ n

f _ _ u r _ _ _ _ n

9 Listen and say. TR: B20

10 Listen and look. Which word is different? Circle. TR: B21

1.



2.



3.



11 Listen and chant. Say a new verse. TR: B22

The  wants silver.

The  wants gold.

The  wants a  of silver and gold!

The  wants silver.

The  wants gold.

The  wants a  of silver and gold!

12 Trace and write.

qu qu

Qu Qu

w w

W W



queen



want



quiet

n

n

k k k

K K K

11 eleven 12 twelve

13 thirteen 14 fourteen



king



kite



walk

n

Unit 2

I Like Food.

1 Listen. Look and circle. TR: B23

1.



2.



3.



4.



5.



6.



2 Read.



3 Cut out the cards for Unit 2. Glue the cards. Say.



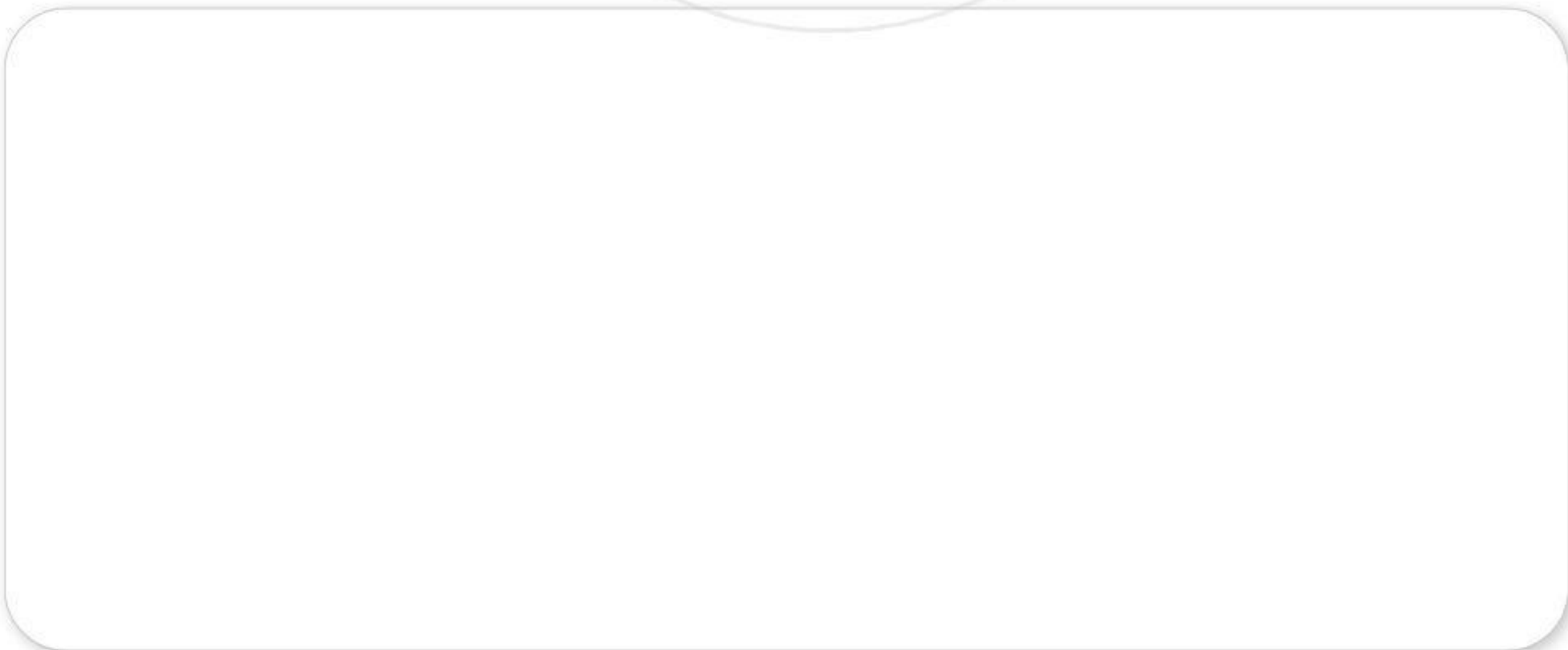
I like...



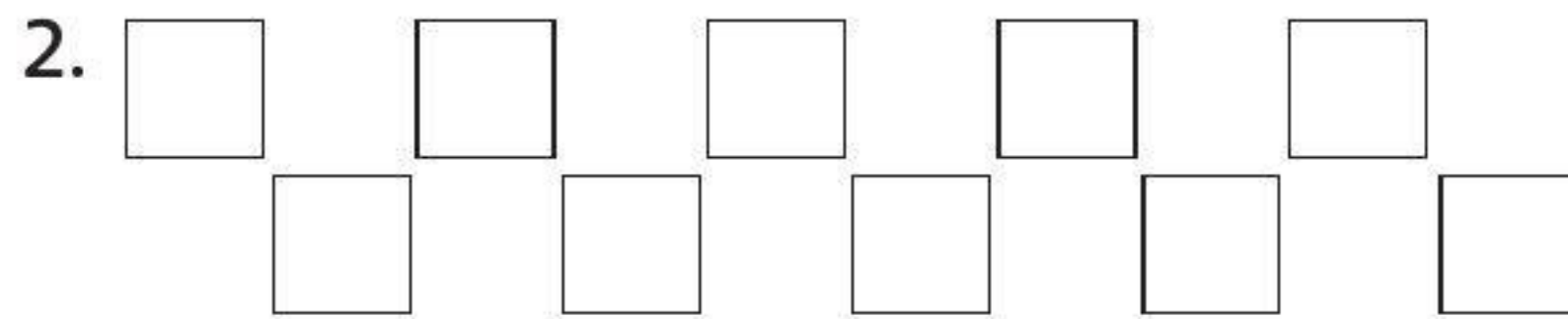
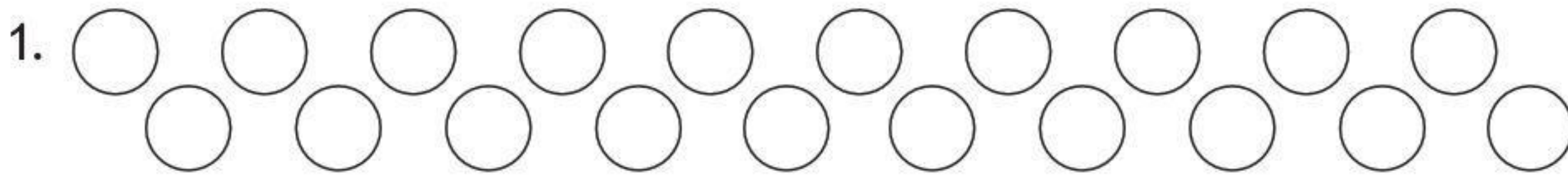
I don't like...

Cánh Diều

4 Draw. What is your favorite food? Say. Color.



5 Listen and color. Say. TR: B24



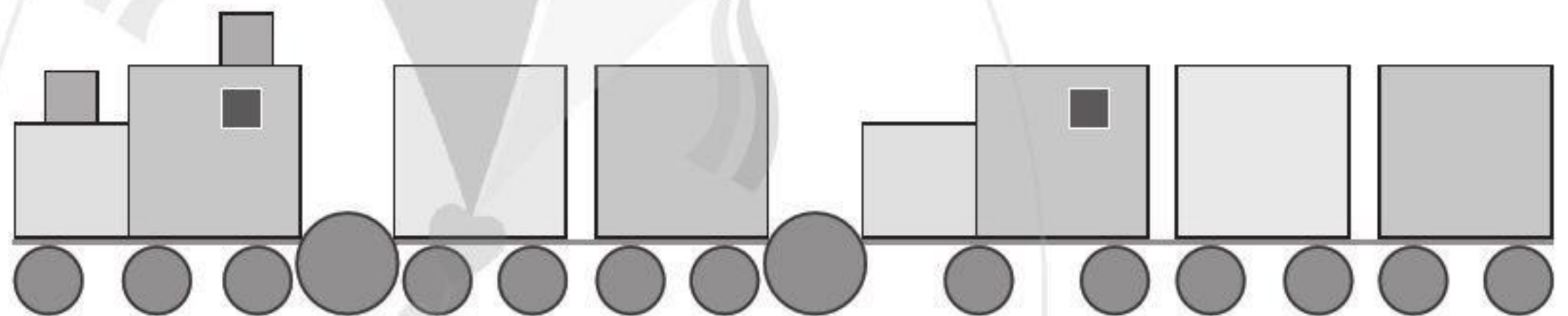
Two black circles.



6 Count and say. How many circles? How many squares?

circles _____

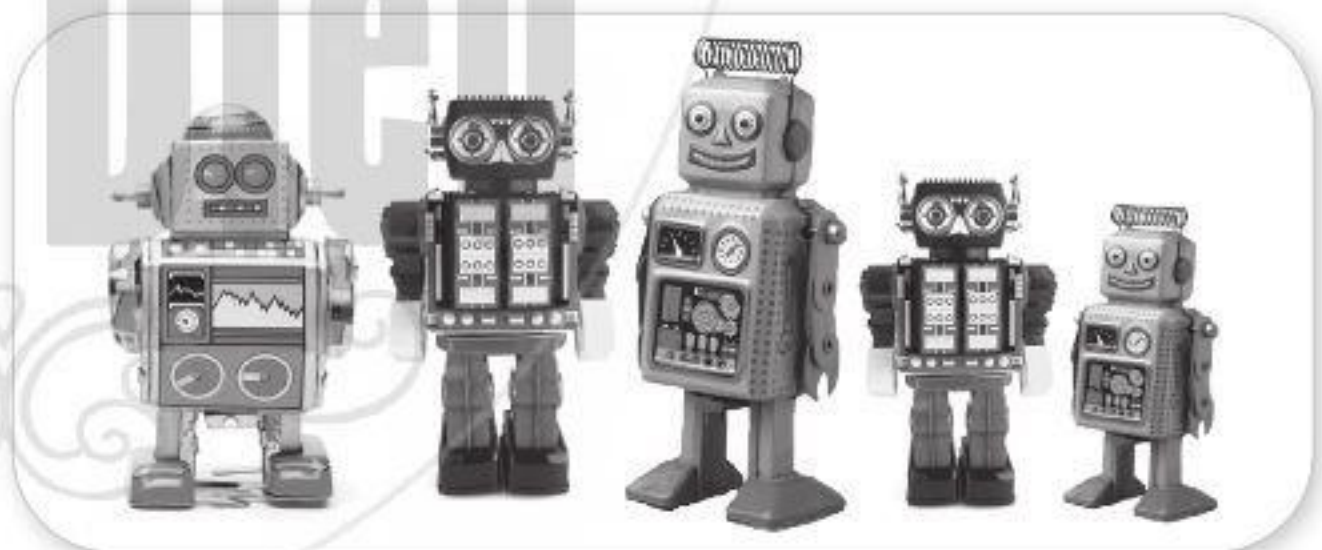
squares _____



7 Count and write.



_____ w _____



f _____



_____ n _____



_____ n _____

8 Listen and say. TR: B25

9 Listen and look. Which word is different? Circle. TR: B26

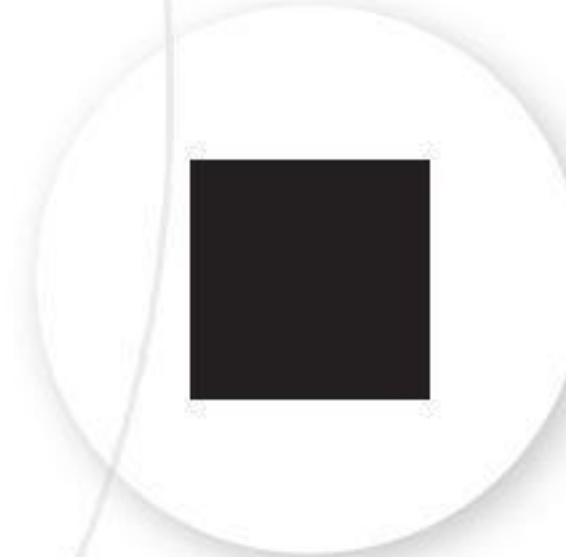
1.



2.



3.



10 Listen and chant. Say a new verse. TR: B27

I like



I like



I like



They're so nice!

I like



I like



I like



They're so nice!

11 Trace and write.

ch ch ch

Ch Ch Ch

r r r

R R R



crown



rice



water

n

n n

N N

15 fifteen f f n

16 sixteen n



bananas



noodles



chicken

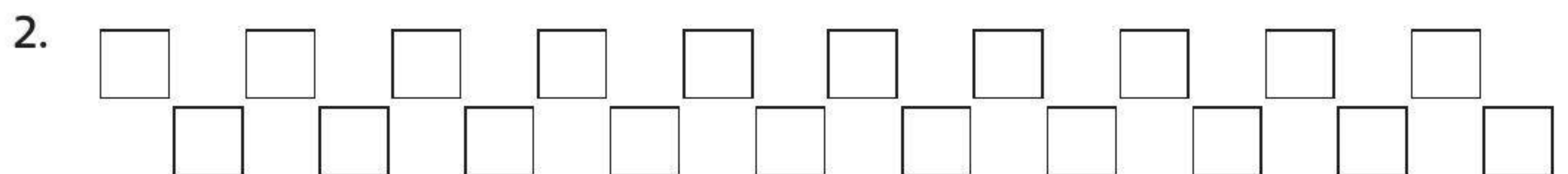
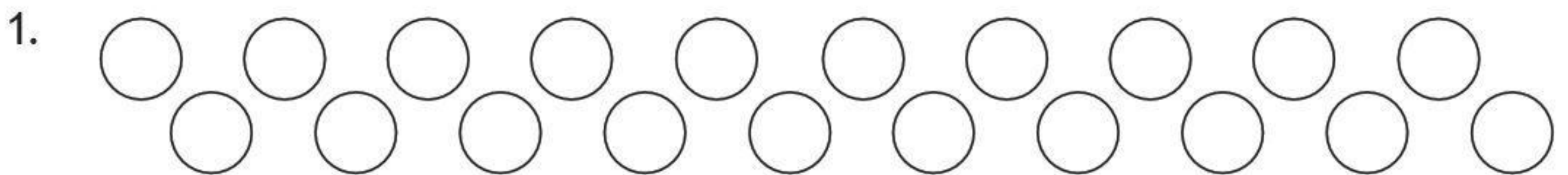
d

Review

1 Listen and look. Draw a line. TR: B28



2 Listen. Count and color. TR: B29



3 Look and read. Check.

1. Yes ☐ No ☐



The prince is happy.

2. Yes ☐ No ☐



You like noodles.

3. Yes ☐ No ☐



You don't like milk.

4. Yes ☐ No ☐



The book is square.

4 Listen. Look and write. TR: B30



The ee has a gold ow .



My friends a t orange j i e .

Unit 3

Clothes

1 Listen and look. Draw a line. TR: B31



2 Listen and look. Draw a line. Color. TR: B32



3 Read.

I'm wearing shorts.

He's wearing a hat.

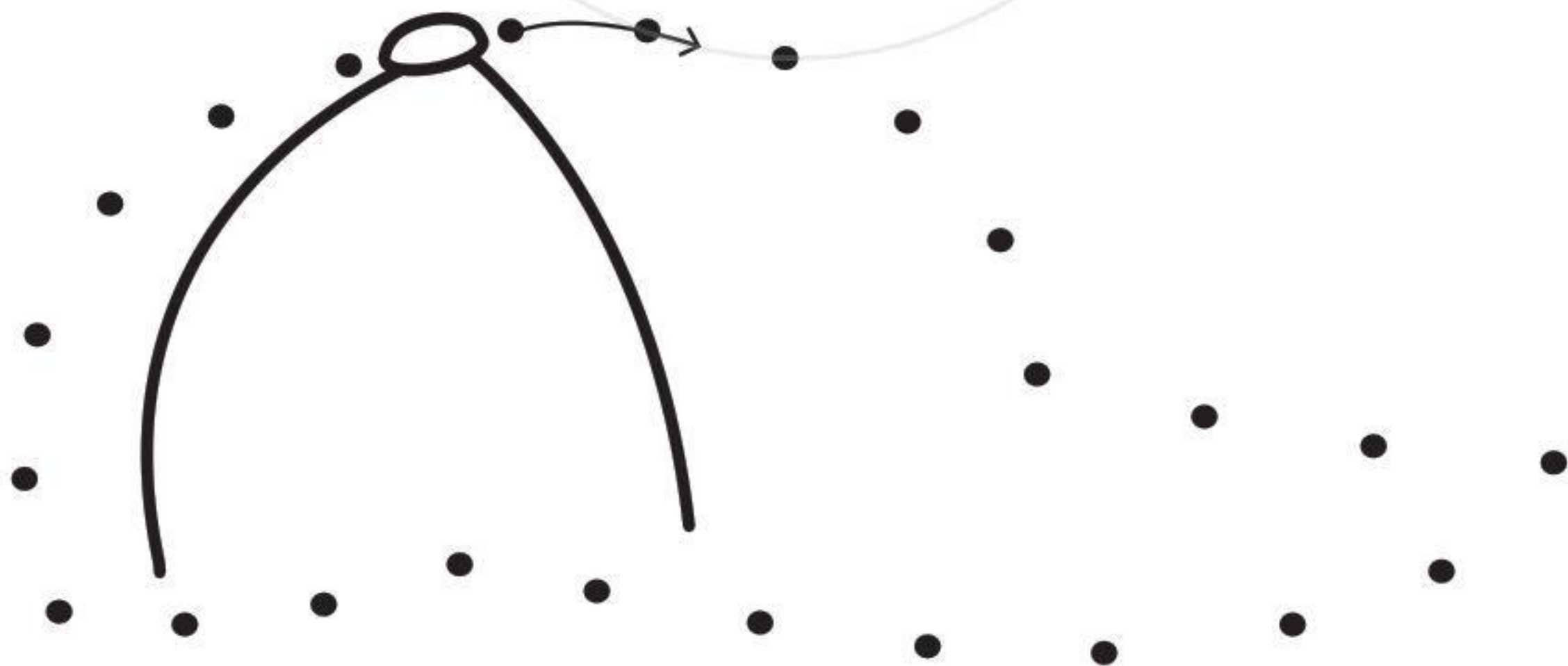


4 Cut out the cards for Unit 3. Listen. Glue the cards.

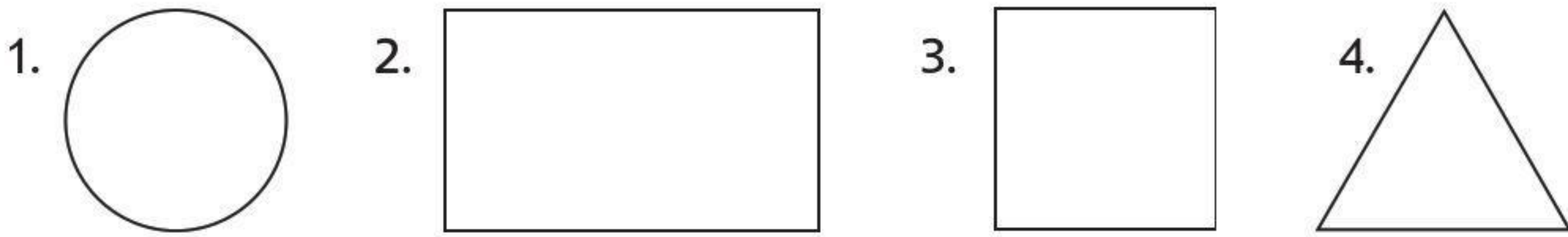
Say. TR: B33



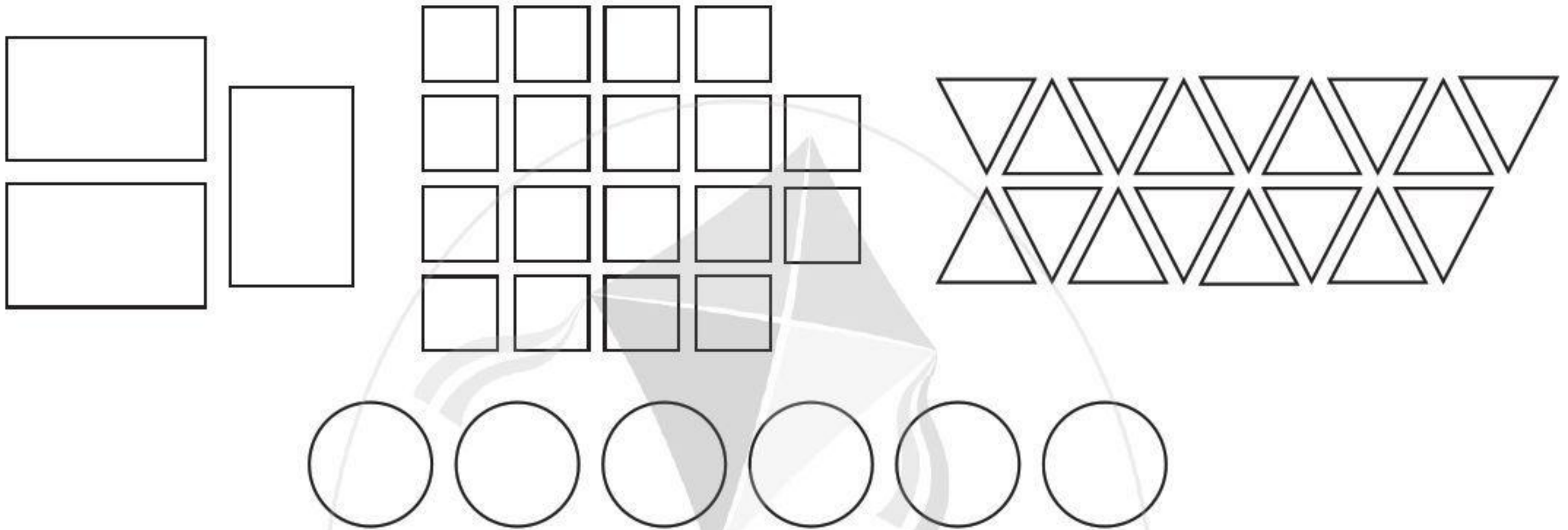
5 Connect the dots. What is it? Say. Color.



6 Listen. Color and say. TR: B34



7 Listen. Color and say. TR: B35



8 Count and write.



_____ n



_____ n _____ n



_____ n

9 Listen and say. TR: B36

10 Listen and look. Which word is different? Circle. TR: B37

1.



2.



3.



11 Listen and chant. Say a new verse. TR: B38

I want a 

My friend wants a 

Please buy us new clothes.



do say yes!

I want some 

My friend wants a 

We want some new clothes.



do say yes!

12 Trace and write.

sh sh sh

Sh Sh Sh

d d d

D D D



red



shorts



shirt

f f

F F

17 seventeen n n

18 eighteen n



scarf



food

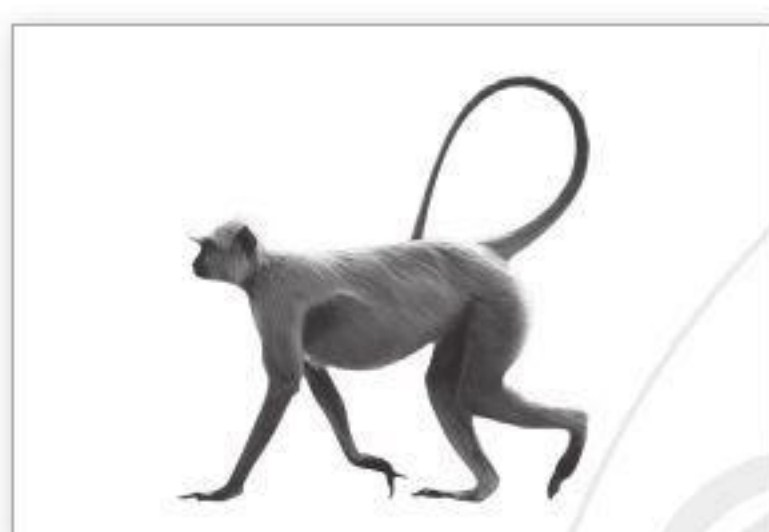


frog

Unit 4

Animals

1 Listen and look. Draw a line. TR: B39



1

2

3

4

5

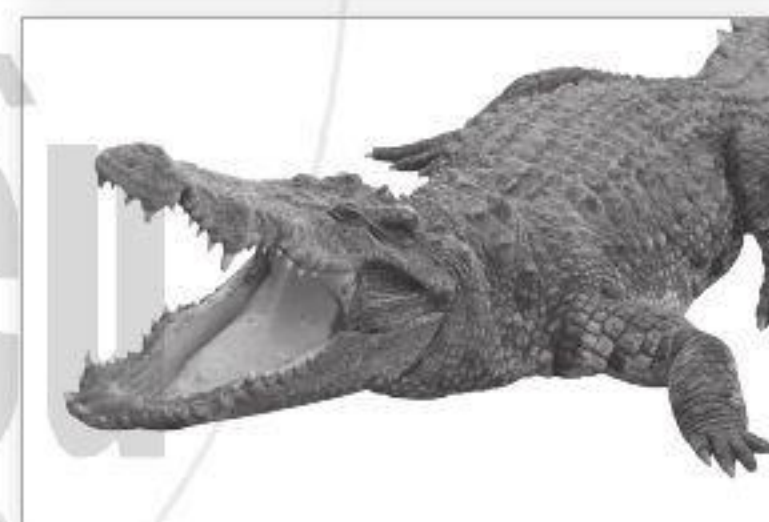
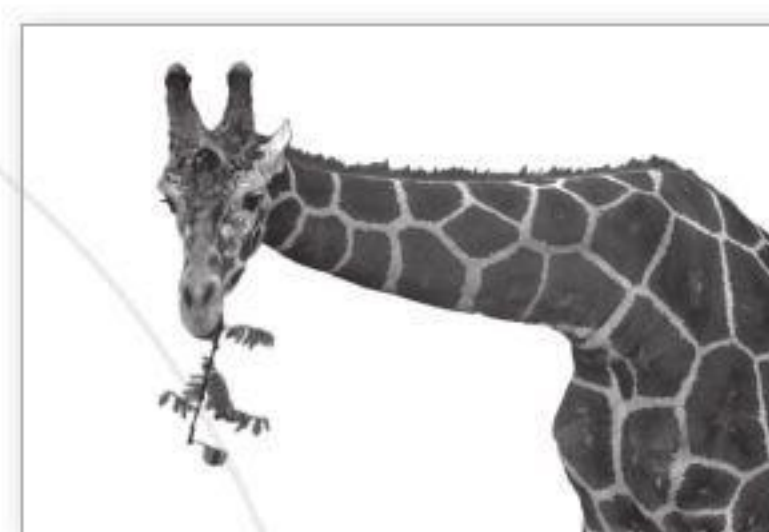
6

7

8

9

10



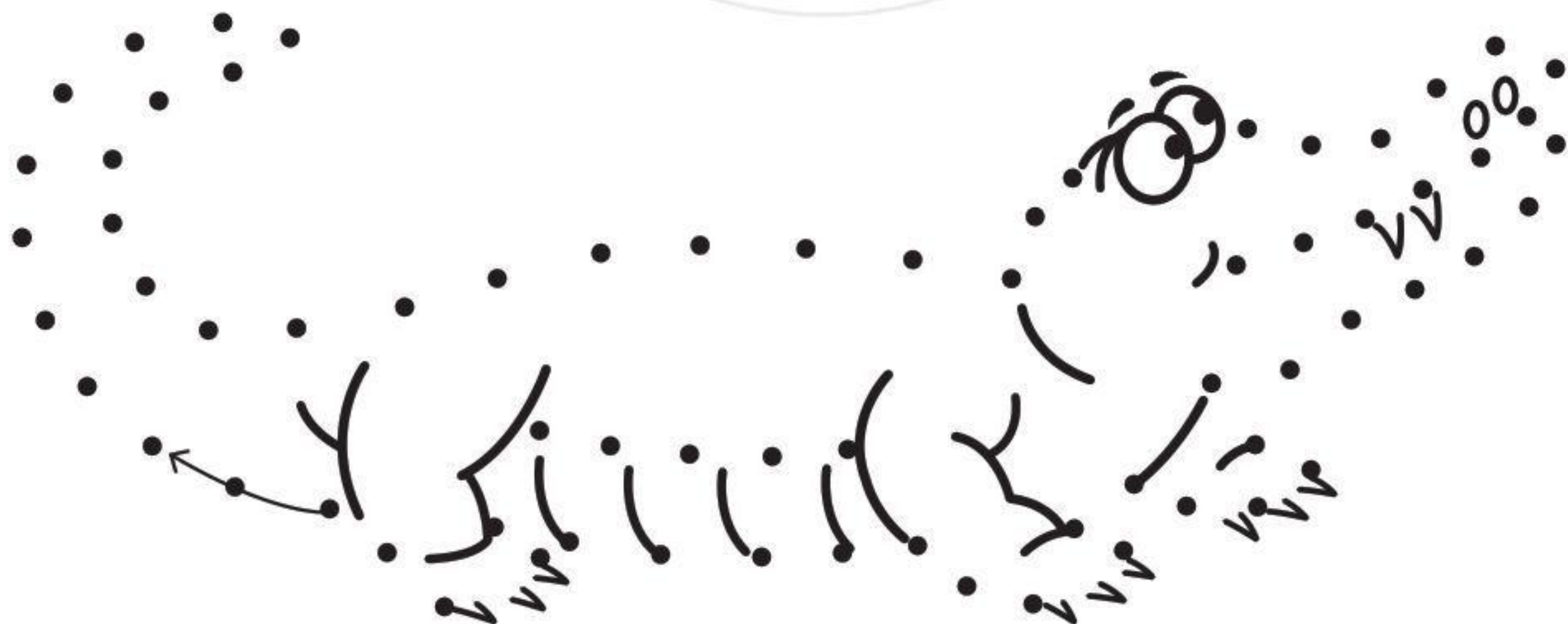
2 Read.



3 Cut out the cards for Unit 4. Listen. Glue the cards. Say. TR: B40



4 Connect the dots. What is it? Say. Color.



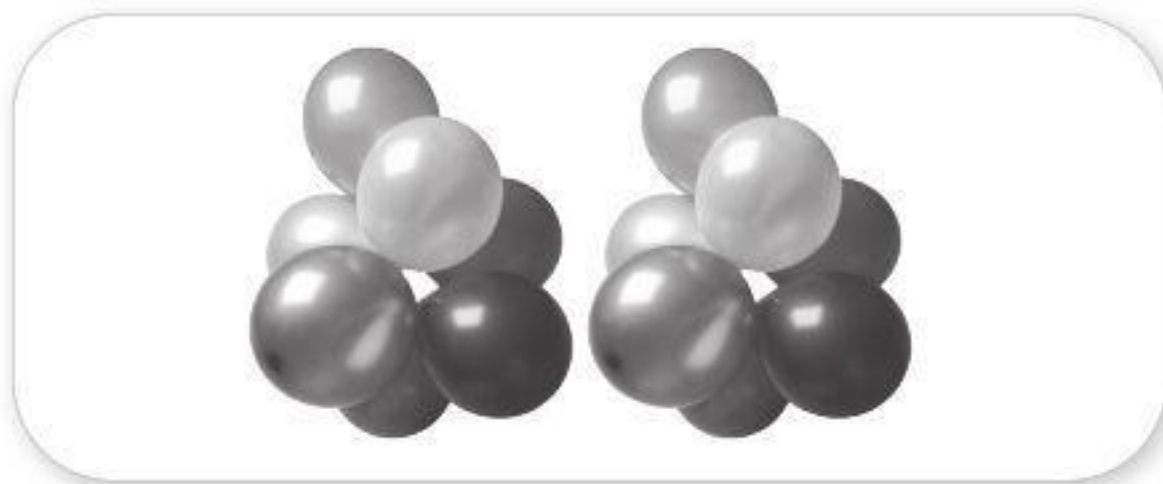
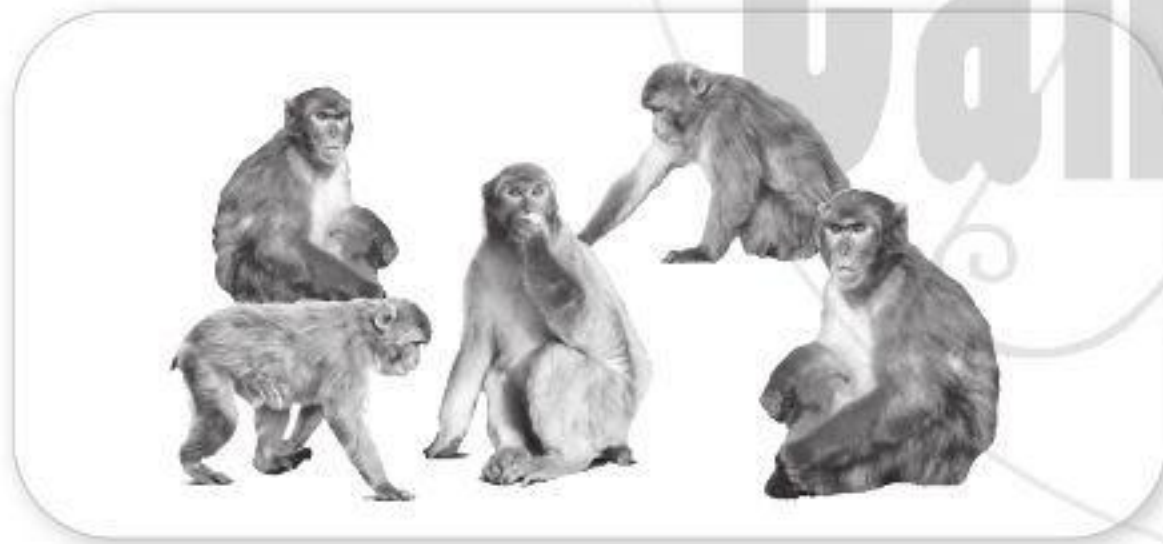
5 Listen. Color and say. TR: B41



6 Listen. Color and say. TR: B42



7 Count and write.



8 Listen and say. TR: B43

9 Listen and look. Which word is different? Circle. TR: B44

1.



2.



3.



10 Listen and chant. Say a new verse. TR: B45

Look, I'm a
I walk and I run.



Look, I'm a
standing in the sun.



Look, I'm a
I walk and I run.



Look, I'm a
standing in the sun.



11 Trace and write.

m m m

M M M

z z z

Z Z Z



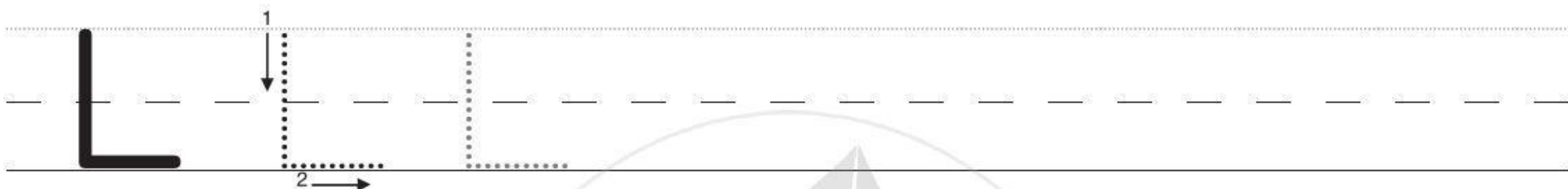
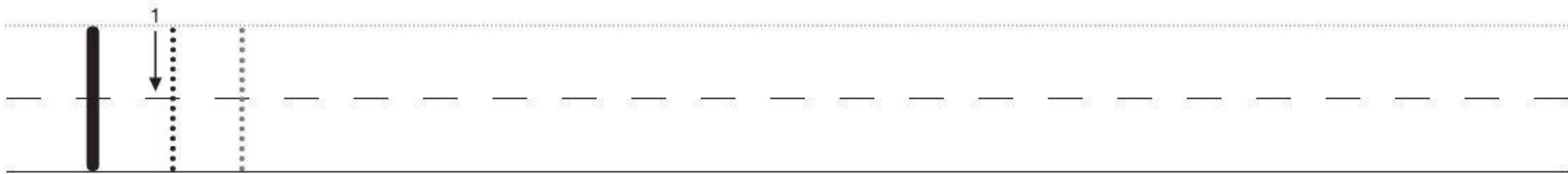
monkey



zoo



zebra



19 nineteen

20 twenty



milk



lion



crocodile

Review

1 Listen. Look and circle. TR: B46

1.



2.



3.



4.



5.



6.



7.

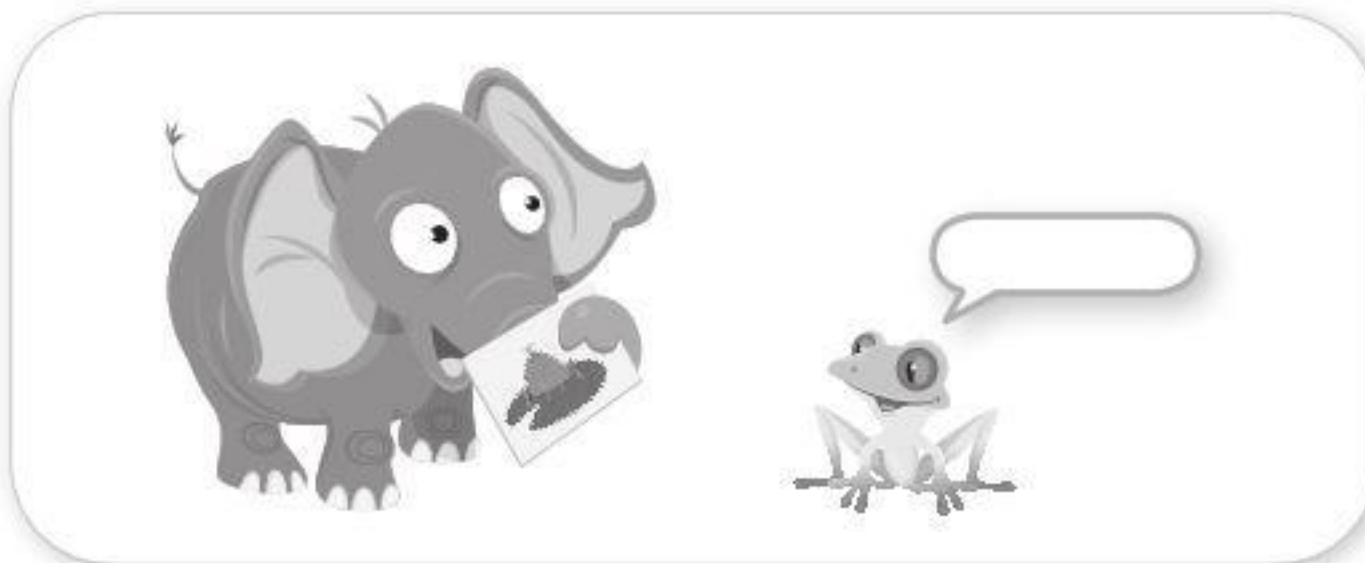


8.

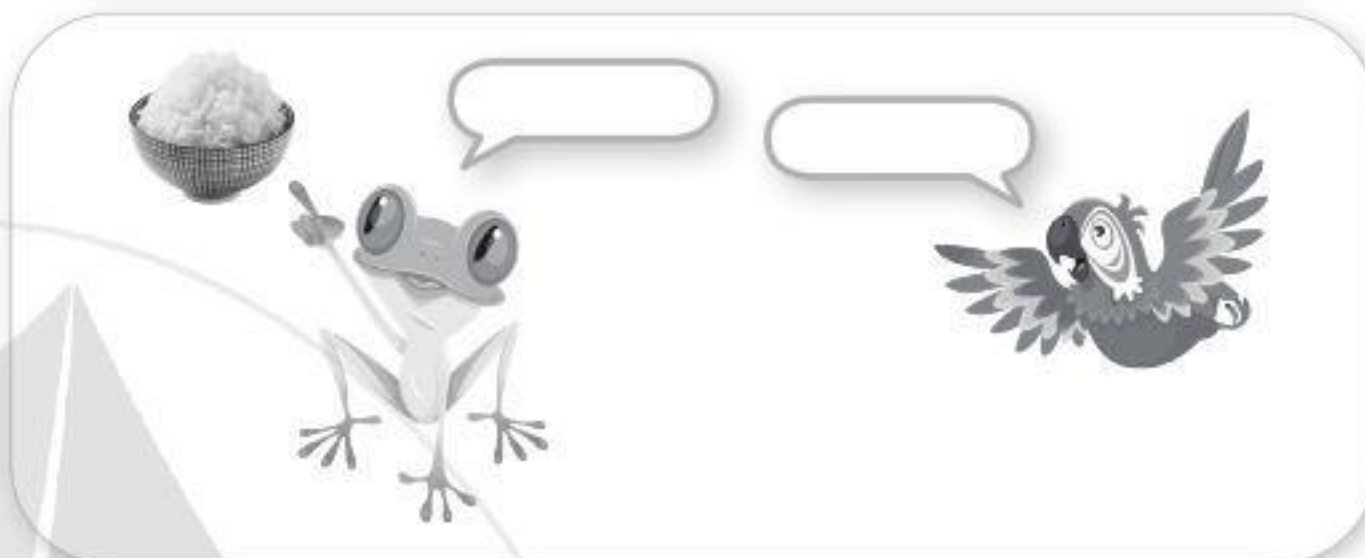


2 Listen. Look and circle. Say. TR: B47

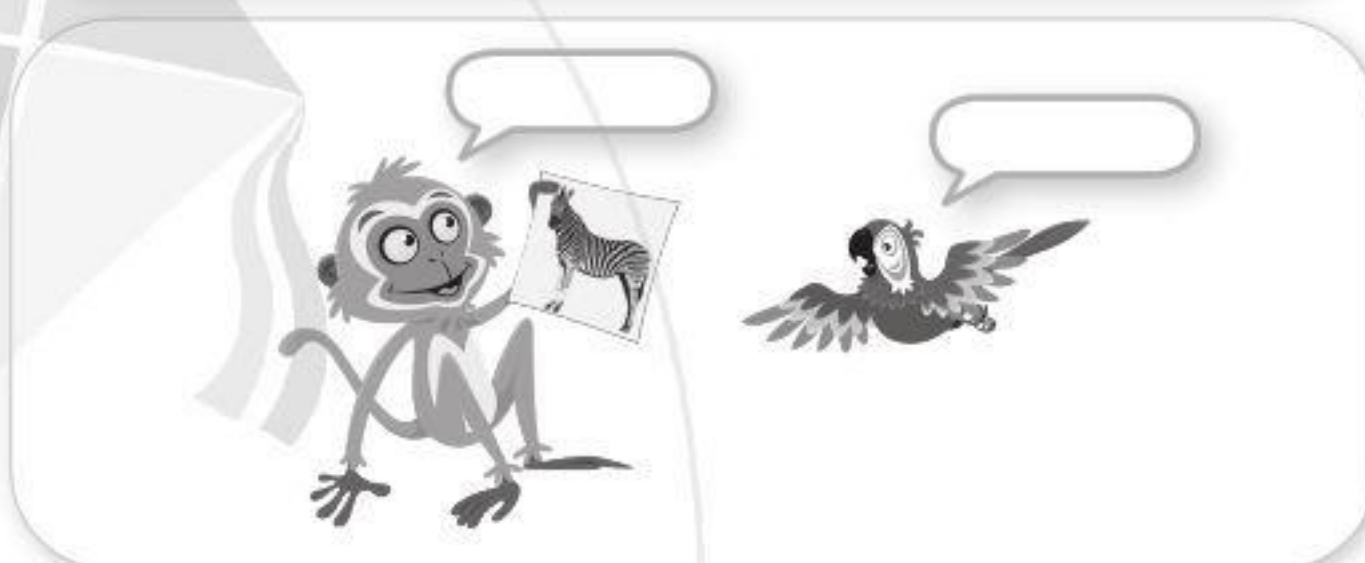
1.



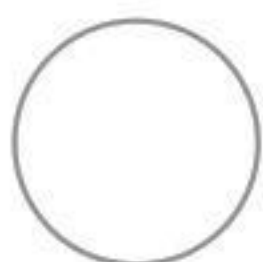
2.



3.



3 Listen and color. TR: B48



4 Look and write.

1.



___un

2.



brea___

3.



4.



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH

280 An Dương Vương, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 301 303 – Fax: (028) 39 381 382

Email: nxb@hcmue.edu.vn

Website: <http://nxb.hcmue.edu.vn>

TIẾNG ANH 2 EXPLORE OUR WORLD SÁCH BÀI TẬP

**Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên)
Đỗ Thị Kim Thanh**

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập

LÊ THANH HÀ

Biên tập:

THÁI THÀNH NHÂN – TRẦN THANH NGÀ

Trình bày bìa:

SOPHIA HU

Sửa bản in:

THÁI THÀNH NHÂN

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm bản quyền nội dung:

CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc: NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI

*Địa chỉ: Tầng 5, toà nhà AZ Lâm Viên Complex, 107A Nguyễn Phong Sắc,
P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.*

TIẾNG ANH 2 EXPLORE OUR WORLD SÁCH BÀI TẬP

Mã số:

ISBN: 978-604-309-548-7

In, khổ 20,5 x 26,2cm, tại

Địa chỉ:

Số xác nhận đăng ký xuất bản:

Quyết định xuất bản số:

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20...

TIẾNG ANH 2

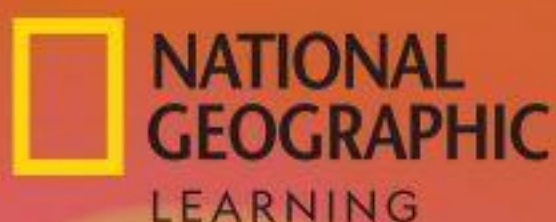


SÁCH BÀI TẬP

Mang cuộc sống vào bài học Đưa bài học vào cuộc sống

Bộ sách giáo khoa Tiếng Anh Tiểu học Explore Our World là một bộ sách giáo khoa gồm 5 cấp độ, được thiết kế và chỉnh sửa cho phù hợp với tiêu chuẩn sách giáo khoa mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam. Nội dung của bộ sách giáo khoa sử dụng những hình ảnh và những đoạn video sống động, thú vị và hấp dẫn với mục tiêu chung là giúp cho học sinh Tiểu học phát triển các kĩ năng và tiếp thu được tiếng Anh, cũng như những kiến thức để có thể hiểu được thế giới xung quanh.

- Hoạt động luyện nghe và nói giúp phát triển những kĩ năng giao tiếp cần thiết cho học sinh.
- Bài tập luyện viết các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Anh giúp học sinh phát triển nhận thức âm vị về các âm trong tiếng Anh.



Bringing the world to the classroom
and the classroom to life

ELTNGL.com

A PART OF CENGAGE

ISBN: 978-604-309-548-7



9 786043 095487

Giá: 000đ